|  |  |
| --- | --- |
| SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** |  **Phiếu số 03/ĐTTCTG-TSTT/2016** *Mã đơn vị điều tra* |
| **PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN****TỔ CHỨC TRUNG GIAN CỦA THỊ****TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**(ÁP DỤNG CHO CÁC TỔ CHỨC HỖ TRỢ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TRÍ TUỆ)**PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ** |  |  | Ô này dành cho CQ Thống kê ghi |
| Tên đơn vị: |
|  |
| Tên giao dịch viết tắt (nếu có): |
|  |
| Địa chỉ: |
|  |
| Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương: |
|  |
| Điện thoại: | Fax: |
|  |  |
| Email: | Website: |
|  |  |
|  |
| **(Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo luật định)** |
|

|  |
| --- |
| **1. Thông tin về thủ trưởng đơn vị** (*Ghi đầy đủ Họ và tên; Đánh dấu vào mục phù hợp đối với học vị, chức danh*): ***1.1. Họ và tên thủ trưởng***:  ***1.2. Trình độ:*** ⬜ Tiến sĩ ⬜ Thạc sĩ ⬜ Đại học ***1.3. Chức danh***: ⬜ Giáo sư ⬜ Phó giáo sư ***1.4. Phương tiện liên lạc*** (*nếu là số ĐT cố định ghi cả mã vùng)*: Điện thoại:  Di động:.........................................................Email:  |
| **2. Thành phần kinh tế** (*Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất*):  ⬜ 1.Công lập ⬜ 2.Ngoài công lập ⬜ 3.Có vốn đầu tư nước ngoài  |
| **3. Tên cơ quan cấp trên trực tiếp**  |
| **4. Bộ, ngành/Địa phương chủ quản** (*Nếu là các tổ chức công lập, ghi Bộ/ngành hoặc UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nếu là các tổ chức KH&CN ngoài công lập, ghi UBND Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội):*  **PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  |

 |
| **(Số liệu tại thời điểm 31/12/2016)** |
|

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.1. Nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên của đơn vị chia theo trình độ chuyên môn, chức danh Giáo sư/Phó giáo sư***(Đơn vị tính: người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Mã số | Tổng số | Chia theo trình độ chuyên môn | Chức danh GS, PGS |
|  | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Giáo sư | Phó giáo sư |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **TỔNG SỐ***Trong đó:* | 01 |  |  |  |  |  |  |  |
| *- Số Nữ* | 02 |  |  |  |  |  |  |  |
| *- Số cán bộ làm công tác tư vấn chuyển giao công nghệ*  | 03 |  |  |  |  |  |  |  |

**Chú ý: Đối với nhân lực làm công tác tư vấn chuyển giao công nghệ đề nghị lập danh sách theo mẫu đính kèm Phiếu điều tra****2.2. Nhân lực đã có các chứng chỉ, chứng nhận và nhu cầu đào tạo nhân lực trong tương lai của đơn vị***(Đơn vị tính: người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chứng chỉ, chứng nhận khóa học** | **Đã có** | **Nhu cầu đào tạo** |
| Tư vấn, môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ |  |  |
| Quản trị tài sản trí tuệ |  |  |
| Đánh giá, định giá công nghệ |  |  |
| Định giá tài sản trí tuệ |  |  |
| Khác (Nêu rõ:   ) |     |     |

 |

 |
|

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH NĂM 2016****3.1. Tổng thu của đơn vị***(Đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mã số** | **Tổng số** |
| A | B | 1 |
| **TỔNG THU***Chia theo nguồn thu:* | **01** |  |
| **1. Do ngân sách nhà nước cấp** | **02** |  |
|  1.1. Từ ngân sách trung ương | 03 |  |
|  1.2. Từ ngân sách địa phương | 04 |  |
| **2.** Thu từ hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ | 06 |  |
| **3. Thu từ nguồn khác** | 09 |  |
| **3.2. Tổng chi của đơn vị** *(Đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mã số** | **Tổng số** |
| A | B | 1 |
| **TỔNG CHI***Chia theo loại chi:* | **01** |  |
| 1. Chi đầu tư phát triển | 02 |  |
| 2. Chi thường xuyên | 03 |  |
| 3. Chi khác | 04 |  |

**PHẦN IV: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ NGUỒN LỰC THÔNG TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ** |

 |

 |
|  **4.1. Trụ sở, đất đai, nhà xưởng** *(Diện tích đất được giao quyền sử dụng có tại thời điểm 31/12/2016)**(Đơn vị tính: m2)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mã số** | **Diện tích** |
| A | B | 1 |
| 1. Tổng số diện tích trụ sở/phòng thí nghiệm/nhà xưởng | 01 |  |
| 2. Tổng diện tích đất đang sử dụng (02=03+04+05) | 02 |  |
| 2.1. Đất sử dụng cho trụ sở làm việc | 03 |  |
| 2.2. Đất sử dụng cho khu thử nghiệm, trạm trại, xưởng thực nghiệm,... | 04 |  |
| 2.3. Diện tích đất khác | 05 |  |

 **4.2. Thông tin KH&CN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Mã số** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| A | B | C | 1 |
| **4.2.1. Nguồn lực thông tin (Có đến 31/12/2016)** |  |  |  |
| Các CSDL về KH&CN đơn vị đang khai thác, sử dụng | 01 | *CSDL* |  |
| Nếu có, vui lòng liệt kê một số CSDL tiêu biểu:- - -  |  | X | X |
| **4.2.2. Hạ tầng thông tin KH&CN (Có tại thời điểm 31/12/2016)** |  |  |  |
| 1. Số lượng máy chủ | 02 | *Chiếc* |  |
| 2. Băng thông đường truyền Internet | 03 | *Mbps* |  |
| 3. Năng lực lưu trữ dữ liệu | 04 | *GB* |  |
| 4. Số lượng máy tính cá nhân | 05 | *Chiếc* |  |

**4.3. Tài sản trí tuệ (Có đến 31/12/2016)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình tài sản trí tuệ** | **Mã số** | **Đơn vị tính** | **Đơn vị tự nghiên cứu** | **Đơn vị được ủy quyền chuyển giao** |
| 1. Số bằng độc quyền sáng chế  | 01 | *Bằng* |  |  |
| 2. Số bằng độc quyền giải pháp hữu ích  | 02 | *Bằng* |  |  |
| 3. Số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp  | 03 | *Bằng* |  |  |
| 4. Số giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp  | 04 | *Giấy chứng nhận* |  |  |
| 5. Số bằng bảo hộ giống cây trồng  | 05 | *Bằng* |  |  |
| 6. Số sáng kiến được công nhận  | 06 | *Sáng kiến* |  |  |
| **PHẦN V: HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ** |  |  |  |  |

**A – TƯ VẤN, HỖ TRỢ ĐỊNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** **VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ, TÀI SẢN TRÍ TUỆ****1. Các dịch vụ của đơn vị (có thể chọn nhiều mục)**⬜ 1. Tư vấn công nghệ ⬜ 4. Định giá/đánh giá công nghệ⬜ 2. Tư vấn sở hữu trí tuệ ⬜ 5. Khác (Nêu rõ: ⬜ 3. Tư vấn pháp lý )**2. Nguồn cung công nghệ cần định giá, đánh giá (có thể chọn nhiều mục)**⬜ 1. Cá nhân tự nghiên cứu ⬜ 3. Nguồn công nghệ từ nước ngoài⬜ 2. Công nghệ từ khối Viện, Trường ⬜ 4. Khác (Nêu rõ: )**3. Mục đích đánh giá, định giá CN&TB trong các hợp đồng dịch vụ mà khách hàng đặt hàng (có thể chọn nhiều mục)**⬜ 1. Lựa chọn công nghệ và phương thức chuyển giao ⬜ 5. Vay vốn đầu tư phát triển sản xuất công nghệ⬜ 2. Mua bán CN&TB ⬜ 6. Lập kế hoạch kinh doanh, ứng dụng công nghệ đó vào sản xuất⬜ 3. Cổ phần hóa ⬜ 7. Tìm đối tác đầu tư phát triển công nghệ⬜ 4. Góp vốn liên doanh ⬜ 8. Khác (Nêu rõ: )**4. Các hợp đồng cung cấp dịch vụ định giá và đánh giá thành công**4.1. Kết quả hoạt động định giá/đánh giá kết quả nghiên cứu/tài sản trí tuệ trong năm 2016:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Số lượng hợp đồng****(Hợp đồng)** | **Doanh thu****(Triệu đồng)** |
| Hoạt động định giá/đánh giá CN&TB/tài sản trí tuệ |  |  |

4.2. Một số khách hàng tiêu biểu mà đơn vị đã thực hiện định giá/đánh giá CN&TB/kết quả nghiên cứu/tài sản trí tuệ trong năm 2016:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị** | **Loại hình tài sản trí tuệ đã định giá/đánh giá** |
| 1.  |  |
| 2.  |  |
| 3.  |  |
| … |  |

4.3. Số lần tham gia hội chợ/Techmart/trình diễn công nghệ trong năm 2015: (lần). Số lần tham gia hội chợ/Techmart/trình diễn công nghệ trong năm 2016: (lần).4.4.. Số lượng CN&TB tham gia hội chợ trong năm 2015: (CN&TB). Số lượng CN&TB tham gia hội chợ trong năm 2016: (CN&TB).**B – THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA ĐƠN VỊ****1. Thuận lợi**     **2. Khó khăn**      **3. Đề xuất nhu cầu cần hỗ trợ của đơn vị**           |
| **Người trả lời phiếu:**Họ và tên:........................................Điện thoại:.......................................E-mail:.............................................**Điều tra viên:**Họ và tên:........................................Điện thoại:.......................................E-mail:............................................. | *.........., ngày....... tháng...... năm 2017***Thủ trưởng đơn vị**(*Ký tên, đóng dấu)* |

*Thông tin liên hệ:*

*Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh*

*79 Trương Định, P. Bến Thành, Q.1, Tel. (08) 35210735; Fax: (08) 38291957;*

*Email: minhttk@cesti.gov.vn*

***Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị:**Địa chỉ: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC TƯ VẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Giới tính** | **Chức vụ** **hiện tại** | **Năm tốt nghiệp** | **Chức danh GS/ PGS** |
| **Cao đẳng** | **Đại học** | **Thạc sĩ** | **Tiến sĩ** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 *......, ngày...... tháng ... năm 2017*

 **Người lập biểu Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*